



Tên Trước Đây: Shell Malleus Grease ET

- Bảo Vệ Chịu Tải Nặng
- Nhiệt độ cao
- Góc Đắt

Shell Gadus S5 U130D

Mỡ cao cấp chịu nhiệt độ cao có phụ gia rắn

Shell Gadus S5 U130D là loại mỡ chịu cực áp, được pha chế cho những ứng dụng công nghiệp vận hành ở nhiệt độ lên đến 600°C

Mỡ gồm các hạt graphit rất nhỏ phân tán đều trong dầu tổng hợp với chất làm đặc vô cơ không mài mòn, và không tro.

Sử dụng

Những ứng dụng điển hình bao gồm:

- Ổ trục xe công nghiệp
- Những bánh răng cửa lò
- Các cơ cấu lò nung

Ưu điểm kỹ thuật của mỡ

Các tính năng của mỡ nhiệt độ cao bị hạn chế nghiêm ngặt bởi bản chất của dầu gốc và chất làm đặc có thể bị phân hủy ở nhiệt độ cao, phá vỡ các cấu trúc của mỡ và hình thành những chất cặn có hại .

Ở nhiệt độ cao pha lỏng của mỡ Shell Gadus S5 U130D bay hơi để lại chất bôi trơn graphit vô định hình không mài mòn.

Graphit là chất rắn ở dạng các phiến mỏng có tính năng bôi trơn tốt và hệ số ma sát thấp trong môi trường khắc nghiệt.

Mỡ Shell Gadus S5 U130D cũng làm việc tốt trong những ứng dụng ở nhiệt độ thấp hơn .

Khuyến cáo sử dụng

Mỡ Shell Gadus S5 U130D phải được bôi vừa phải vào ổ trục, nên bôi bằng tay trước khi lắp ráp ổ trục và sau khi tra trục vào ổ.

Cần tránh bôi mỡ quá nhiều. Ví dụ , nếu bôi nhiều mỡ Shell Gadus S5 U130D vào ổ đỡ lăn cố định có thể dẫn đến kết quả, ở nhiệt độ cao, sau khi dầu gốc bay hơi hết, sẽ hình thành các nêm bằng graphit giữa các con lăn. Điều này gây nên sự bôi trơn không tốt và ngăn cản chuyển động quay của ổ trục .

Sức Khỏe & An Toàn

Shell Gadus S5 U130D không gây nguy hại nào đáng kể cho sức khỏe và an toàn khi sử

dụng đúng qui định, tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp và cá nhân được tuân thủ .

Để có thêm hướng dẫn về sức khỏe và an toàn, tham khảo thêm dữ liệu về thông tin an toàn sản phẩm Shell tương ứng.

Chỉ dẫn

Có thể tham khảo tư vấn Đại diện Shell về các nội dung không có trong Tờ giới thiệu này

Tính Chất Lý Học Điển Hình

Độ đặc theo NLGI	2
Màu sắc	Đen
Chất làm đặc	Vô cơ
Dầu gốc (loại)	Tổng hợp
Độ nhớt động học @ 40°C cSt 100°C cSt (IP 71/ASTM-D445)	130 17
Độ xuyên kim Làm việc ở @ 25°C 0.1mm (IP 50/ASTM-D217)	265-295
Điểm nhỏ giọt °C (IP 132/ASTM-D566-76)	Không áp dụng

Các tính chất này đặc trưng cho sản phẩm hiện hành. Những sản phẩm trong tương lai của Shell có thể thay đổi chút ít cho phù hợp theo qui cách mới của Shell.